TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Hữu Bình.
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **ĐÀO THỊ THUÝ K** (tên gọi khác **Đào Thuý K**, **Đào Thị K**), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố 17, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **TRIỆU VĂN G**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ dân phố 17, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) trình bày: Tôi và anh TRIỆU VĂN G được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 04 tháng 3 năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh TRIỆU VĂN G theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và Anh G có 01 người con là cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn tôi nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đào Hà M và không yêu cầu Anh G cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và Anh G tự thoả thuận chia cho nhau, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và Anh G không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn anh TRIỆU VĂN G trình bày tại Bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Năm 1998 tôi và chị ĐÀO THỊ THUÝ K có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hoà hợp, nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị ĐÀO THỊ THUÝ K.

Về con chung: Tôi và chị K có 01 người con là cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012. Khi ly hôn tôi đề nghị cả bố và mẹ được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đào Hà M.

Về tài sản chung: Tôi không đề nghị Toà án giải quyết khi ly hôn.

Ý kiến của cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 là con của chị K và Anh G trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở trực tiếp với mẹ là ĐÀO THỊ THUÝ K.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị K cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản chính Chứng nhận kết hôn số: 24, Quyển 01, ngày 04/3/1998 của UBND phường Q, thị xã Q (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, cấp mang tên vợ Đào Thuý K, mang tên chồng TRIỆU VĂN G.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh mang tên Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21/10/2012.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Xác nhận giấy tờ hộ tịch của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, về việc xác nhận tên ĐÀO THỊ THUÝ K, Đào Thuý K, Đào Thị K, sinh năm 1973 là một người.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân mang tên ĐÀO THỊ THUÝ K.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ TRIỆU VĂN G.

Anh G không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của chị K và Anh G được biết: Chị K và Anh G là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 17, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị K Anh G có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được vì hai bên không báo cáo. Chị K và Anh G có nuôi dưỡng 01 người con là cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012. Chị K và Anh G có 01 nhà xây. Tài sản vay nợ của chị K và Anh G ở địa phương không thấy có.

Quá trình giải quyết vụ án, do Anh G đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị K đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là Anh G chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 147; Điều 207; 227; 228; Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) được ly hôn với anh TRIỆU VĂN G.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21/10/2012 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh TRIỆU VĂN G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh G không phải chịu án phí.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) và anh TRIỆU VĂN G được tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 04 tháng 3 năm 1998, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 3 năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn cho đến nay, nên chị K có đơn xin ly hôn với Anh G gửi Toà án giải quyết. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị K và Anh G có mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị K là được ly hôn với Anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và Anh G có 01 người con là cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21/10/2012. Xét thấy cháu Triệu Đào Hà M tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu My là được ở trực tiếp với mẹ là chị K khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu My cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị K tự nguyện không yêu cầu Anh G đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với Anh G quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng Anh G đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị K ly hôn với Anh G theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Anh G không phải chịu tiền án phí.

[8] Nguyên đơn là chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị K và Anh G theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

**** Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) được ly hôn với anh TRIỆU VĂN G.

2. *Về con chung*: Giao cháu Triệu Đào Hà M, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2012 cho chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh TRIỆU VĂN G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. *Về án phí*: - Chị ĐÀO THỊ THUÝ K (tên gọi khác Đào Thuý K, Đào Thị K) phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001000 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh TRIỆU VĂN G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Chị K và Anh G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Tân Quang (nơi đăng ký KH);
- UBND P. Minh Xuân (nơi cư trú);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn